

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HS-ST

Ngày: 12-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Chử Dung

Ông Vàng A Hý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2021/TLST-HS ngày 19/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 24/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/HSST-QĐ ngày 07/01/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; sinh ngày 05/5/1990 tại huyện C, thành phố H; Nơi ĐKKTT: Bản M1, xã C1, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nơi tạm trú: Bản N2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H và 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 24/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xử phạt 24.000.000 đồng về tội Đánh bạc, tại Bản án số 67/2018/HS-ST, bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 26/11/2018, đã được xóa án tích; ngày 28/9/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1334/QĐ-XPVPHC về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép với hình thức phạt tiền 10.000.000 đồng, bị cáo đã nộp tiền phạt ngày 28/9/2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/6/2021, sau đó bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/7/2021 cho đến nay, có mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Lèng Văn H, sinh năm 1992; địa chỉ: Bản V, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Bản N2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Anh Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Bản N3, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Những người làm chứng:

- Anh Lèng Văn H1, sinh năm 1994; địa chỉ: Bản V, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Anh Trần Thanh H2, sinh năm 1990; địa chỉ: Bản N3, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Chị Thùng Thị Th, sinh năm 1988; địa chỉ: Bản N1, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Anh Hà Lương T1, sinh năm 1978; nơi công tác: Đội sản xuất số x, bản N1, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Anh Thùng Văn Ng, sinh năm 1995; địa chỉ: Bản N3, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Minh T3, sinh năm 1979; địa chỉ: Ban chỉ huy quân sự huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Anh Dương Vương N, sinh năm 1977; địa chỉ: Bản N1, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Anh Dương Mạnh Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Bản N2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Chị Khoàng Thị V, sinh năm 1980; địa chỉ: Bản P, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/6/2020 anh Lèng Văn H tới nhà của Nguyễn Văn T vay số tiền 200.000.000 đồng, với lãi suất do hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng với mức lãi suất 36%/năm, thời hạn vay là 02 tháng. Để che giấu hợp đồng vay tiền, anh H đã viết giấy bán máy xúc (máy đào bánh xích), nhãn hiệu KOMATSU PC78US-6NO của anh H cho T với giá là 200.000.000 đồng và đưa cho T giữ 01 Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu và 03 tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan). Để hợp lý hóa việc sử dụng chiếc máy xúc, anh H đã viết thêm vào giấy mua bán máy xúc là thuê lại chiếc máy xúc đã bán cho T trong 02 tháng, từ ngày 04/6/2020 đến ngày 04/8/2020 với số tiền

thuê là 24.000.000 đồng/02 tháng. Sau đó, T đã trực tiếp đưa cho anh H số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng T chuyển từ tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), số tài khoản 7850110688007 của T qua tài khoản Agribank của anh H (anh H không nhớ số tài khoản).

Do không có nhu cầu sử dụng hết số tiền 200.000.000 đồng đã vay, anh H đến nhà T trả số tiền gốc là 129.000.000 đồng vào ngày 18/6/2020, T không lấy lãi số tiền này. T viết nội dung là ngày 18/6/2020 nhận số tiền gốc 129.000.000 đồng do anh H trả vào giấy mua bán máy xúc. Số tiền còn lại 71.000.000 đồng, anh H tiếp tục vay, T và anh H thỏa thuận bằng lời nói, lãi suất vay đối với số tiền này là 4.000 đồng/1.000.0000 đồng/1 ngày. Ngày 04/11/2020 anh H trả cho T 25.000.000 đồng tiền lãi, trong đó trả trực tiếp cho T 2.000.000 đồng, còn 23.000.000 đồng anh H chuyển vào tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) của T. Ngày 19/6/2021 anh H đến nhà T chốt tiền nợ gốc và nợ lãi, anh H viết Giấy biên nhận ngày 19/6/2021 với nội dung: Anh H nợ T 71.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi tính từ ngày 18/6/2020 đến ngày 19/6/2021 là 103.000.000 đồng, đã trả 25.000.000 đồng, còn nợ 78.000.000 đồng tiền lãi và 71.000.000 đồng tiền gốc, tổng là 149.000.000 đồng, hẹn ngày 26/6/2021 anh H trả T, sau đó T ký tên vào giấy biên nhận. Tuy nhiên, do T gọi điện thúc giục nên ngày 24/6/2021 anh H đã trả cho T số tiền 78.000.000 đồng tiền lãi và 6.000.000 đồng tiền gốc tại Km 45 thuộc xã Phìn Hồ, huyện N, tỉnh Điện Biên. Sau khi nhận được tiền, T đã viết giấy biên nhận là ngày 24/6/2021 nhận của anh H số tiền là 78.000.000 đồng tiền lãi và 6.000.000 đồng tiền gốc, tổng số tiền gốc anh H còn nợ T là 65.000.000 đồng, T không tính lãi và hẹn anh H đến ngày 19/7/2021 phải trả hết tiền gốc cho T.

Vào đêm ngày 24/6/2021 anh H đang điều khiển xe máy tới khu vực đỉnh đèo C, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thì gặp tổ công tác của Công an tỉnh Điện Biên đang làm nhiệm vụ, phát hiện giấy tờ liên quan đến việc cho vay lãi nặng giữa T và anh H. Sau đó, anh H đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên 01 tờ giấy biên nhận đề ngày 19/6/2021 với nội dung vay tiền và tính lãi giữa anh Lèng Văn H và Nguyễn Văn T và 01 tờ giấy biên nhận đề ngày 24/6/2021 với nội dung trả tiền lãi và chốt nợ gốc giữa anh H và T và có đơn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên giải quyết việc vay nợ giữa anh H và T. Đến ngày 28/10/2021, anh H đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N số tiền 65.000.000 đồng, là số tiền gốc anh còn nợ T.

Sau khi tiếp nhận đơn đề nghị của anh H, ngày 25/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T tại bản N2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, quá trình khám xét đã thu giữ những đồ vật, tài liệu sau:

- Tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành là 211.350.000 đồng;
- 01 điện thoại di động cảm ứng, màu vàng, kiểu máy Iphone XS Max, có số IMEL: 3572860992516412, lắp sim số 0968765567;

- 01 chiếc điện thoại di động loại cảm ứng có tên OPPO F11, vỏ màu xanh, số IMEL 1: 869874044461133, số IMEL 2869874044461125, lắp sim số 0966297070, sim 2 số 0336282090;

- 03 thanh kiếm bằng kim loại;

- 01 đầu thu màu đen trên đầu thu có nhãn hiệu ahua;

- 01 giấy vay tiền ngày 20/5/2018, người vay tiền Bùi Bích P;

- 01 quyển sổ bìa màu đen, bên trong gồm 09 tờ có ghi chữ và số;

- 01 tờ giấy A4 ghi ngày 06/7/2020;

- 01 kẹp bìa màu đỏ bên trong gồm: 01 giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 20/6/2021, người viết giấy Lò Văn Đông; 01 giấy biên nhận ngày 20/6/2021, người viết giấy Thùng Văn Ng; 01 giấy biên nhận ngày 21/6/2021, người viết giấy Dương Mạnh Q và Hoàng Thị H; 01 giấy biên nhận ngày 19/6/2021, người viết giấy Lèng Văn H; 01 giấy mua bán máy xúc ngày 04/6/2020, bên bán Lèng Văn H, bên mua Nguyễn Văn T; 01 giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu; 03 tờ khai hóa đơn nhập khẩu (thông quan);

- 01 túi nilon màu đỏ bên trong gồm: 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền bản phô tô ngày 25/8/2020, đại diện bên B là Nghiêm Tiến D; 01 hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 11/3/2020, có chữ ký đại diện bên B là Lò Văn K (bản phô tô); 01 hợp đồng cho vay tiền tháng 12/2020, đại diện bên A là Nghiêm Tiến D (bản phô tô); 01 giấy vay tiền ngày 13/01/2020, người vay ký tên là Hà Lương T1; 01 giấy bán xe người bán Lương Trung G, người mua Nguyễn Văn T; 01 giấy ủy quyền về việc thu hồi nợ theo hợp đồng ngày 11/3/2020, bên ủy quyền Hoàng Văn T4;

- 01 quyển sổ bìa màu vàng gồm 53 tờ có chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến số 53;

- 01 quyển sổ bìa màu vàng trong có ba tờ chữ và số;

- 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10/9/2020, đại diện bên B ký Nguyễn Minh T3 (bản phô tô);

- 01 giấy vay tiền ngày 13/12/2019, người vay Nguyễn Minh T3;

- 01 đơn đề nghị việc vay nợ ngày 06/3/2021, người làm đơn Nguyễn Văn T;

- 01 giấy vay tiền ngày 17/02/2020, người vay Lý Ông L;

- 01 giấy vay tiền không ghi ngày tháng năm, người vay Thùng Thị Th;

- 01 giấy vay tiền bản phô tô ngày 13/01/2020, người vay Hà Lương T1;

- 01 giấy bán xe bản phô tô không ghi ngày tháng năm người bán Lương Trung G, người mua Nguyễn Văn T;

- 01 quyển sổ bìa nhãn hiệu Hồng Hà có 20 tờ chữ và số;

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Th và Lò Thị X, số CI 116394;

- 01 giấy chuyển nhượng nhà gắn liền với đất lập ngày 13/02/2020, bên chuyển nhượng Lê Văn Th và Lò Thị X, bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H;

- 01 giấy giao tiền ngày 15/3/2020, bên giao Nguyễn Văn T, bên nhận Lê Văn Th;

- 01 hợp đồng thuê đất ngày 31/8/2017, bên cho thuê Khoàng Văn S, bên nhận thuê Thùng Văn D;

- 01 bản sao chứng minh nhân dân Lò Thị X;

- 01 bản sao chứng minh nhân dân Lê Văn Th;

- 01 bản sao sổ hộ khẩu số 180176515 chủ hộ Lò Thị X;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã lấy mẫu chữ viết trên 02 tờ giấy biên nhận ngày 19/6/2021 và ngày 24/6/2021 với Bản tự khai do Nguyễn Văn T viết ngày 27/6/2021 để giám định chữ ký và chữ viết. Tại Kết luận giám định số 741/GĐ-PC09, ngày 02/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận như sau:

“1. Chữ viết phần nội dung trên “GIẤY BIÊN NHẬN”, đề ngày 19/6/2021, ký hiệu A1 với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T trên “BẢN TỰ KHAI”, ký hiệu M **không phải do cùng một người viết ra.**

2. Chữ viết phần nội dung trên “GIẤY BIÊN NHẬN”, đề ngày 24/6/2021, ký hiệu A2 với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T trên “BẢN TỰ KHAI”, ký hiệu M **là do cùng một người viết ra.**

3. Chữ ký, chữ viết đứng tên “Nguyễn Văn T” dưới mục “người cho vay” trên “GIẤY BIÊN NHẬN”, đề ngày 19/6/2021, ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T trên “BẢN TỰ KHAI”, ký hiệu M **là do cùng một người ký, viết ra.**

4. Chữ ký, chữ viết đứng tên “Nguyễn Văn T” dưới mục “Người viết giấy” trên “GIẤY BIÊN NHẬN”, đề ngày 24/6/2021, ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T trên “BẢN TỰ KHAI”, ký hiệu M **là do cùng một người ký, viết ra.”**

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận trong thời gian từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/6/2021, T đã cho anh Lèng Văn H vay số tiền 71.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, với tổng số tiền lãi thu được hai bên tính tròn là 103.000.000 đồng tương ứng với lãi suất 145,07%/năm, cao gấp 7,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Trong đó, anh H đã thanh toán cho T 103.000.000 đồng tiền lãi và 6.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 65.000.000 đồng tiền gốc, T không tính lãi. Đối với tổng số tiền 211.350.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của T, trong đó

có 100.000.000 đồng là tiền bị cáo đi vay của anh Nguyễn Bá Đ để sửa nhà, 27.350.000 đồng là lãi tiền từ hoạt động kinh doanh hợp pháp của gia đình bị cáo, 78.000.000 đồng là tiền lãi và 6.000.000 đồng là tiền gốc mà anh H trả cho bị cáo vào ngày 24/6/2021. Trong quá trình điều tra, mặc dù số tiền 88.800.000 đồng thu lợi bất chính của anh H đang bị tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước nhưng bị cáo đã trả cho anh H 10.800.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Ngoài những giấy tờ liên quan đến việc vay nợ giữa bị cáo và anh H, những tài liệu giấy tờ khác không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo có nguyện vọng được xin lại những giấy tờ này.

Tại bản Cáo trạng số: 59/CT-VKSNP ngày 19/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng.

Về vật chứng và các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho anh Lèng Văn H số tiền 88.800.000 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền 10.800.000 đồng, bị cáo đã trả cho anh H; trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 35.500.000 đồng, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 49.700.000 đồng của bị cáo; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 113.150.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; tịch thu vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động loại cảm ứng OPPO F11, vỏ màu xanh, 01 điện thoại di động cảm ứng, màu vàng, kiểu máy Iphone XS Max, có số IMEL: 3572860992516412, lắp sim số 0968765567;

Đối với vật chứng là 01 tờ giấy biên nhận đề ngày 19/6/2021 với nội dung vay tiền và tính lãi giữa anh Lèng Văn H và bị cáo Nguyễn Văn T và 01 giấy biên nhận đề ngày 24/6/2021 với nội dung trả tiền lãi và chốt nợ gốc giữa anh Lèng Văn H và bị cáo Nguyễn Văn T, do anh H giao nộp ngày 24/6/2021 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã được đánh dấu bút lục của cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án là phù hợp nên không đề cập xử lý. Đối với 01 giấy mua bán máy xức ngày 04/6/2020 người viết giấy Lèng Văn H và 01

giấy biên nhận tiền vào ngày 19/6/2021 giữa anh Lèng Văn H và Nguyễn Văn T thu giữ tại nhà của bị cáo là vật chứng cần đưa vào hồ sơ vụ án. Đối với những đồ vật tài liệu còn lại không liên quan đến vụ án, đề nghị trả lại cho bị cáo.

Đối với 03 thanh kiếm bằng kim loại thu giữ tại nhà bị cáo là vũ khí thô sơ, bị cáo tàng trữ nhưng không có giấy phép. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản vi phạm, chuyển vật chứng và hồ sơ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính. Ngày 28/9/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1334/QĐ-XPVPHC nên không đề cập xử lý.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn T nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì. Bị cáo nhất trí với hình phạt tiền mà Viện kiểm sát đề nghị và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lèng Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, anh H có ý kiến như sau: Do cần tiền trả nợ nên anh đã vay số tiền 71.000.000 đồng của Nguyễn Văn T với lãi suất cao. Trong thời gian vay một năm anh đã phải trả cho bị cáo 103.000.000 đồng tiền lãi, khiến cho anh lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Đối với số tiền 88.800.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính của anh, ngày 28/10/2021 bị cáo đã trả cho anh 10.800.000 đồng để khắc phục hậu quả, hai bên có lập biên bản thỏa thuận về việc này, còn lại số tiền 78.000.000 đồng anh có nguyện vọng được nhận lại. Ngoài ra, anh đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị H là vợ của bị cáo Nguyễn Văn T có ý kiến: Nguồn gốc số tiền 71.000.000 đồng, bị cáo T cho anh H vay là tiền của hai vợ chồng tích góp được từ hoạt động kinh doanh hợp pháp của hộ gia đình chị (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 62.8.C.001.289 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện N đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 05/01/2022). Khi bị cáo T cho anh H vay tiền, chị không biết việc T sử dụng số tiền chung của 02 vợ chồng để T hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được nhận lại một nửa số tiền gốc 71.000.000 đồng là tài sản của chị. Đối với số tiền bị cơ quan Công an thu giữ khi khám xét tại gia đình chị, chị nhất trí sử dụng số tiền này để bị cáo nộp phạt.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bá Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra anh Đ có lời khai như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T có vay của anh số tiền 150.000.000 đồng để sửa nhà, do là anh em họ hàng nên anh không tính lãi. Khi vay T có viết giấy mượn tiền vào ngày 03/3/2021 và hẹn đến ngày 03/12/2021 trả cho anh. Đến nay T đã trả cho anh được số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ anh số tiền 100.000.000 đồng.

Hiện nay, do T có hoàn cảnh khó khăn, anh cũng chưa có nhu cầu sử dụng số tiền này, nên anh chưa đòi bị cáo, ngoài ra anh Đào không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, người làm chứng anh Lèng Văn H1 vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra anh Hiếu có lời khai như sau: Anh Lèng Văn H1 là em trai của anh Lèng Văn H, ngày 04/6/2020 anh có cùng anh H đến nhà T để vay tiền. Khi vay, T có yêu cầu anh H viết giấy mua bán máy xúc và anh Hiếu ký vào là người làm chứng.

Tại phiên tòa, người làm chứng anh Trần Thanh H2 có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra anh Hoàng có lời khai như sau: Vào khoảng tháng 6/2020 anh Hoàng làm thuê cho bị cáo Nguyễn Văn T và được T nhờ ký vào giấy mua bán máy xúc là người làm chứng. Khi anh Hoàng ký giấy thì ngoài T ra còn có 02 người thanh niên cũng ở đó, anh không biết họ là ai, có mối quan hệ như thế nào với bị cáo T. Ngoài ra, anh không biết gì về hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, những người làm chứng Thùng Thị Th, Hà Lương T1, Thùng Văn Ng, Nguyễn Minh T3, Dương Vương N, Dương Mạnh Q, Khoàng Thị V vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra đều có lời khai như sau: Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2021 những người này có vay tiền của bị cáo Nguyễn Văn T, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng dưới 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự hoặc vay tiền không tính lãi suất nhưng cầm cố tài sản. Khi vay tiền, bên vay và bên cho vay chỉ lập giấy biên nhận khoản tiền vay, còn lãi suất là do hai bên thỏa thuận bằng lời nói. Một số người vay đã thanh toán hết khoản tiền vay và lãi suất cho bị cáo, một số người vay vẫn còn nợ bị cáo, những người vay này không có tranh chấp hay yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Trong thời gian từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/6/2021, Nguyễn Văn T đã cho anh Lèng Văn H vay 71.000.000 đồng, với lãi suất cho vay là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Thời gian tính lãi được T và anh H xác định là 365 ngày với số tiền lãi tính tròn là 103.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 145,07%/năm. Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định mức lãi suất cao nhất là 20%/năm của khoản tiền vay, như vậy mức lãi suất cho vay T lấy của anh H cao gấp 7,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Đến ngày 24/6/2021, tổng số tiền anh H đã thanh toán cho T là 103.000.000 đồng tiền lãi và 6.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc anh H còn nợ T là 65.000.000 đồng, T không tính lãi nhưng hẹn đến ngày

19/7/2021 anh H phải trả hết tiền gốc cho T. Trong tổng số tiền lãi cho vay 103.000.000 đồng T lấy của anh H, thì tiền lãi cho vay cao nhất đúng quy định của Bộ luật dân sự là: $71.000.000 \times 20\% \times 365/365 = 14.200.000$ đồng, tiền lãi suất vượt quá quy định là: $103.000.000 - 14.200.000 = 88.800.000$ đồng, đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính của anh H.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định: *“1. Người nào trong giao dịch dân sự cho vay với lãi suất cao gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”*.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Hành vi của bị cáo không chỉ gây ảnh hưởng đến các giao dịch dân sự lành mạnh mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự bị nghiêm cấm nhưng vì mục đích thu lợi bất chính nên vẫn cố ý T hiện. Xét thấy mục đích phạm tội của bị cáo là để thu lợi bất chính, tội phạm bị cáo T hiện là ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, nhằm trừng trị riêng đối với bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành xác minh bị cáo có nghề nghiệp là kinh doanh, buôn bán nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, thu nhập thấp, không ổn định; gia đình bị cáo ngoài đồ dùng sinh hoạt và đồng dùng phục vụ cho hoạt động kinh doanh thì không có tài sản khác có giá trị nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự, xem xét mức phạt tiền phù hợp với tình hình tài sản của bị cáo.

[3] Về nhân thân: Ngày 24/10/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xử phạt 24.000.000 đồng về tội Đánh bạc, tại Bản án số 67/2018/HS-ST, bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 26/11/2018, bị cáo đã được xóa án tích. Ngày 28/9/2021, bị cáo bị Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1334/QĐ-XPVPHC về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép với hình thức phạt tiền 10.000.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt vào cùng ngày 28/9/2021. Do đó, bị cáo là người có nhân thân xấu.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đối với số tiền 88.800.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính của anh Lèng Văn H, trong quá trình điều tra mặc dù số tiền này đang bị tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện N nhưng ngày 28/10/2021 bị cáo đã tự nguyện trả cho anh H 10.800.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Tại phiên tòa, bị cáo cũng có nguyện vọng trả cho anh H số tiền còn lại. Bên cạnh đó, anh Lèng Văn H có đơn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo với lý do: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ một phần trách nhiệm của anh, mặc dù biết bị cáo cho vay với lãi suất cao nhưng anh vẫn tự nguyện giao dịch dân sự với bị cáo, dẫn đến mất khả năng thanh toán. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 105, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

Đối với tổng số tiền cơ quan điều tra thu giữ gồm: Tiền thu giữ khi khám xét nhà bị cáo là 211.350.000 đồng; tiền gốc do anh Lèng Văn H giao nộp là 65.000.000 đồng, xử lý như sau:

Đối với khoản tiền 71.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T dùng để cho anh Lèng Văn H vay, trong đó anh H đã trả cho bị cáo 6.000.000 đồng, còn lại 65.00.000 đồng anh H đã giao nộp cho cơ quan điều tra vào ngày 28/10/2021 là phương tiện phạm tội. Cơ quan điều tra đã xác minh, làm rõ nguồn gốc số tiền này là tài sản chung của 02 vợ chồng bị cáo tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân. Vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị H không biết việc bị cáo sử dụng số tiền là tài sản chung của 02 vợ chồng vào mục đích phạm tội. Tại giai đoạn điều tra

cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng được nhận lại ½ số tiền 71.000.000 đồng là tài sản của chị. Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 4 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình, trả lại cho chị Nguyễn Thị H khoản tiền 35.500.000 đồng; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền 35.500.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn T.

Đối với khoản tiền 14.200.000 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Nguyễn Văn T đã thu của anh Lèng Văn H là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền 88.800.000 đồng, là tiền bị cáo Nguyễn Văn T thu lợi bất chính của anh Lèng Văn H. Tại phiên tòa, anh Lèng Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Căn cứ vào đơn xin xét xử vắng mặt và văn bản thỏa thuận lập ngày 28/10/2021 giữa anh H và bị cáo T, thì bị cáo đã trả cho anh H số tiền 10.800.000, anh H có nguyện vọng được nhận số tiền còn lại là 78.000.000 đồng, Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho anh H số tiền này.

Đối với khoản tiền còn lại là 113.150.000 đồng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N, tỉnh Điện Biên đã điều tra, làm rõ khoản tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội, vợ bị cáo không có ý kiến gì về khoản tiền này, Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với đồ vật, tài liệu gồm: 01 giấy vay tiền ngày 20/5/2018 người vay tiền Bùi Bích P; 01 quyển sổ bìa màu đen, bên trong gồm 09 tờ có ghi chữ và số; 01 tờ giấy A4 ghi ngày 06/7/2020; 01 kẹp bìa màu đỏ bên trong gồm: 01 giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 20/6/2021, người viết giấy Lò Văn Đông; 01 giấy biên nhận ngày 20/6/2021, người viết giấy Thùng Văn Ng; 01 giấy biên nhận ngày 21/6/2021, người viết giấy Dương Mạnh Q và Hoàng Thị Huệ; 01 túi nilon màu đỏ bên trong gồm: 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền bản phô tô ngày 25/8/2020, đại diện bên B là Nghiêm Tiến D; 01 hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 11/3/2020, có chữ ký đại diện bên B là Lò Văn K (bản phô tô); 01 hợp đồng cho vay tiền tháng 12/2020, đại diện bên A là Nghiêm Tiến D (bản phô tô); 01 giấy vay tiền ngày 13/01/2020, người vay ký tên là Hà Lương T1; 01 giấy bán xe người bán Lương Trung G, người mua Nguyễn Văn T; 01 giấy ủy quyền về việc thu hồi nợ theo hợp đồng ngày 11/3/2020, bên ủy quyền Hoàng Văn Tươi; 01 quyển sổ bìa màu vàng gồm 53 tờ có chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến số 53; 01 quyển sổ bìa màu vàng trong có ba tờ chữ và số; 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10/9/2020, đại diện bên B ký Nguyễn Minh T3 (bản phô tô); 01 giấy vay tiền ngày 13/12/2019, người vay Nguyễn Minh T3; 01 đơn đề nghị việc vay nợ ngày 06/3/2021, người làm đơn Nguyễn Văn T; 01 giấy vay tiền ngày 17/02/2020, người vay Lý Ông Lố; 01 giấy vay tiền không ghi ngày tháng năm, người vay Thùng Thị Th; 01 giấy vay tiền bản phô tô ngày 13/01/2020, người vay Hà Lương T1; 01 giấy bán xe bản phô tô không ghi ngày tháng năm người

bán Lương Trung G, người mua Nguyễn Văn T; 01 quyển sổ bì nhả hiệũ Hông Hà có 20 tờ chữ và số; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Th và Lò Thị X, số CI 116394; 01 giấy chuyển nhượng nhà gắn liền với đất lập ngày 13/02/2020, bên chuyển nhượng Lê Văn Th và Lò Thị X, bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H; 01 giấy giao tiền ngày 15/3/2020, bên giao Nguyễn Văn T, bên nhận Lê Văn Th; 01 hợp đồng thuê đất ngày 31/8/2017, bên cho thuê Khoàng Văn S, bên nhận thuê Thùng Văn D; 01 bản sao chứng minh nhân dân Lò Thị X; 01 bản sao chứng minh nhân dân Lê Văn Th; 01 bản sao sổ hộ khẩu số 180176515 chủ hộ Lò Thị X, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ này nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động loại cảm ứng OPPO F11, vỏ màu xanh, số IMEL 1: 869874044461133, số IMEL 2: 869874044461125, gắn thẻ sim 1 số: 0966297070, sim số 2: 0336282090 và 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng, màu vàng, kiểu máy Iphone XS Max, có số IMEL: 3572860992516412, lắp sim số 0968765567, bị cáo dùng liên lạc, giao dịch với anh Lèng Văn H để phục vụ hoạt động phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 đầu thu màu đen trên đầu thu có nhả hiệũ ahua, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xác minh, làm rõ không liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Đối với 03 thanh kiếm bằng kim loại thu giữ tại nhà bị cáo là vũ khí thô sơ. Bị cáo khai nhận đã mua 03 thanh kiếm về với mục đích tàng trữ để trang trí, treo trong nhà nhưng không có giấy phép. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản vi phạm, chuyển vật chứng và hồ sơ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính. Ngày 28/9/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1334/QĐ-XPVPHC với hình thức phạt tiền 10.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật, hiệũ 03 thanh kiếm đã được xử lý theo thủ tục hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với vật chứng là 01 giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu, 03 tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) thu giữ tại nhà bị cáo là của anh Lèng Văn H. Ngày 29/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra quyết định xử lý vật chứng số 16 trả lại cho anh Lèng Văn H các giấy tờ nói trên, căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự việc xử lý vật chứng là đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với vật chứng là 01 tờ giấy biên nhận đề ngày 19/6/2021 với nội dung vay tiền và tính lãi giữa anh Lèng Văn H và bị cáo Nguyễn Văn T và 01 giấy biên nhận đề ngày 24/6/2021 với nội dung trả tiền lãi và chốt nợ gốc giữa anh Lèng Văn H và bị cáo Nguyễn Văn T, do anh H giao nộp ngày 24/6/2021 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã được đánh dấu bút lục của cơ quan điều tra và đưa vào hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự là phù hợp.

Đối với vật chứng là 01 giấy mua bán máy xúc ngày 04/6/2020 bên bán là anh Lèng Văn H, bên mua là bị cáo Nguyễn Văn T và 01 giấy biên nhận ngày 19/6/2021, người viết giấy là Lèng Văn H thu giữ tại nhà bị cáo cần đưa vào hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã T hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã T hiện đều hợp pháp.

[8] Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện bị cáo Nguyễn Văn T còn cho một số người không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể hoặc hiện đang vắng mặt tại nơi cư trú vay tiền. Ngoài lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T và các giấy tờ vay tiền không ghi lãi suất, tin nhắn giữa bị cáo và người vay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Điện Biên không đủ căn cứ xác minh, làm rõ việc bị cáo cho vay lấy lãi là vi phạm pháp luật, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Đối với những người mà bị cáo cho vay xác định được tên tuổi và địa chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành thu thập chứng cứ, điều tra, xác minh, lấy lời khai của bị cáo và những người vay tiền, thể hiện tại các lần cho vay tiền, bị cáo có lấy lãi suất từ từ 36%/năm đến 90%/năm, cao gấp từ 1,8 đến 4,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự hoặc cho vay tiền không tính lãi suất nhưng nhận cầm cố tài sản. Việc thỏa thuận vay tiền tính lãi suất giữa bị cáo và những người vay tiền là tự nguyện, các bên không có ý kiến gì, yêu cầu gì. Do đó, trường hợp này không phải là vi phạm pháp luật hình sự hay là vi phạm hành chính, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 3 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-

HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 09/2021/LCCT-TA, ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

3. Về vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 105, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động loại cảm ứng có tên OPPO F11, vỏ màu xanh, số IMEL 1: 869874044461133, số IMEL 2: 869874044461125, gắn thẻ sim 1 số: 0966297070, sim số 2: 0336282090 và 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng, màu vàng, kiểu máy Iphone XS Max, có số IMEL: 3572860992516412, lắp sim số 0968765567.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 49.700.000 (bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn) đồng của bị cáo Nguyễn Văn T (gồm: Tiền lãi đúng quy định mà bị cáo đã thu của anh Lèng Văn H là 14.200.000 đồng, $\frac{1}{2}$ số tiền của bị cáo dùng để cho vay là 35.500.000 đồng).

- Trả lại cho anh Lèng Văn H số tiền 88.800.000 (tám mươi tám triệu tám trăm nghìn), nhưng khấu trừ vào số tiền 10.800.000 (mười triệu tám trăm nghìn) đồng bị cáo Nguyễn Văn T đã trả cho anh vào ngày 28/10/2021, còn phải trả lại cho anh H số tiền 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H $\frac{1}{2}$ khoản tiền mà bị cáo dùng để cho vay là 35.500.000 (ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 113.150.000 (một trăm mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng để đảm bảo thi hành án, số tiền còn lại 3.150.000 (ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng trả lại cho bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T:

- + 01 đầu thu màu đen trên đầu thu có nhãn hiệu ahuua;

- + 01 giấy vay tiền ngày 20/5/2018 người vay tiền Bùi Bích P;

- + 01 quyển sổ bìa màu đen, bên trong gồm 09 tờ có ghi chữ và số;

- + 01 tờ giấy A4 ghi ngày 06/7/2020;

+ 01 kẹp bìa màu đỏ bên trong gồm: 01 giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 20/6/2021, người viết giấy Lò Văn Đông; 01 giấy biên nhận ngày 20/6/2021, người viết giấy Thùng Văn Ng; 01 giấy biên nhận ngày 21/6/2021, người viết giấy Dương Mạnh Q và Hoàng Thị Huệ;

+ 01 túi nilon màu đỏ bên trong gồm: 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền bản phô tô ngày 25/8/2020, đại diện bên B là Nghiêm Tiến D; 01 hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 11/3/2020, có chữ ký đại diện bên B là Lò Văn K (bản phô tô); 01 hợp đồng cho vay tiền tháng 12/2020, đại diện bên A là Nghiêm Tiến D (bản phô tô); 01 giấy vay tiền ngày 13/01/2020, người vay ký tên là Hà Lương T1; 01 giấy bán xe người bán Lương Trung G, người mua Nguyễn Văn T; 01 giấy ủy quyền về việc thu hồi nợ theo hợp đồng ngày 11/3/2020, bên ủy quyền Hoàng Văn T4;

+ 01 quyển sổ bìa màu vàng gồm 53 tờ có chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến số 53;

+ 01 quyển sổ bìa màu vàng trong có ba tờ chữ và số;

+ 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10/9/2020, đại diện bên B ký Nguyễn Minh T3 (bản phô tô); 01 giấy vay tiền ngày 13/12/2019, người vay Nguyễn Minh T3; 01 đơn đề nghị việc vay nợ ngày 06/3/2021, người làm đơn Nguyễn Văn T; 01 giấy vay tiền ngày 17/02/2020, người vay Lý Ông Lố; 01 giấy vay tiền không ghi ngày tháng năm, người vay Thùng Thị Th; 01 giấy vay tiền bản phô tô ngày 13/01/2020, người vay Hà Lương T1; 01 giấy bán xe bản phô tô không ghi ngày tháng năm người bán Lương Trung G, người mua Nguyễn Văn T; 01 quyển sổ bìa nhãn hiệu Hồng Hà có 20 tờ chữ và số; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Th và Lò Thị X, số CI 116394; 01 giấy chuyển nhượng nhà gắn liền với đất lập ngày 13/02/2020, bên chuyển nhượng Lê Văn Th và Lò Thị X, bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H; 01 giấy giao tiền ngày 15/3/2020, bên giao Nguyễn Văn T, bên nhận Lê Văn Th; 01 hợp đồng thuê đất ngày 31/8/2017, bên cho thuê Khoàng Văn S, bên nhận thuê Thùng Văn D; 01 bản sao chứng minh nhân dân Lò Thị X; 01 bản sao chứng minh nhân dân Lê Văn Th; 1 bản sao sổ hộ khẩu số 180176515 chủ hộ Lò Thị X.

- Đưa vào hồ sơ vụ án đối với vật chứng là 01 giấy mua bán máy xúc ngày 04/6/2020 bên bán là anh Lèng Văn H, bên mua là bị cáo Nguyễn Văn T và 01 giấy biên nhận ngày 19/6/2021, người viết giấy là Lèng Văn H.

(Vật chứng được niêm phong theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Tổng số tiền 211.350.000 (hai trăm mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng thu giữ tại nhà bị cáo Nguyễn Văn T và số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng do anh Lèng Văn H giao nộp hiện đang được giữ giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện N theo Biên bản giao nhận tài sản số 02/BBGN-KBNNNP, ngày 15/7/2021 và số 05/BBGN-KBNNNP, ngày

29/10/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Kho bạc Nhà nước huyện N).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết): Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao

